

MỤC LỤC

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển	3 - 4
2. Sản phẩm	5 - 7
3. Định hướng phát triển	7
4. Triết lý kinh doanh	8
5. Sứ mệnh và tầm nhìn.....	8
6. Các mục tiêu của giai đoạn 2015-2017	8 - 9

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức	10 - 13
2. Tóm tắt lý lịch cá nhân của ban giám đốc.....	13- 15
3. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động	
a. Số lượng lao động	15
b. Chính sách với người lao động	16 - 17

III. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thông tin về Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	18 - 28
--	---------

IV. BÁO CÁO HĐQT & BGD VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2013 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2014.....

29 - 35

V. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT 2013.....

36 - 43

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

44 - 70

1. Báo cáo tài chính năm 2013	44 - 52
2. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2013	53 - 70



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份公司

R1- 49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bùì Bàng Doãn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghui.lien.com

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển :

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Công ty cổ phần Minh Hữu Liên chính thức được thành lập vào tháng 8 năm 2007. Thế mạnh của Công ty là tập trung vào lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nội ngoại thất, sản phẩm có ứng dụng từ thép và sản phẩm xe đẩy công nghiệp nhằm phục vụ cho nhu cầu dân dụng và các dự án trường học, nhà hàng và văn phòng.

Trải qua hơn năm năm hình thành và phát triển, với tôn chỉ kinh doanh uy tín và chất lượng sản phẩm là yếu tố then chốt để xây dựng thương hiệu và đứng vững trên thị trường, đến nay Minh Hữu Liên đã được người tiêu dùng biết đến như là một trong những công ty hàng đầu về sản xuất các sản phẩm ứng dụng từ thép và các sản phẩm nội thất cho thị trường xuất khẩu.

CÁC CỘT MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

Tháng 8 năm 2007, Công ty cổ phần Minh Hữu Liên được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 6.5 tỷ đồng. Trụ sở và nhà xưởng đặt tại địa điểm KE A2/7 Tân Kiên Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân với tổng diện tích là 8,131.8 m².

Năm 2008, để đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển thị trường, Công ty Minh Hữu Liên đã mở thêm phân xưởng II tại Lô D3 Khu Tiểu Thủ Công Nghiệp Lê Minh Xuân, Ấp 1, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh với tổng diện tích hơn 800m² với mục đích chuyên sản xuất các mặt hàng trang trí nội thất.

Tháng 12 năm 2008, công ty đã xây dựng thành công và đưa vào sử dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 với giấy chứng nhận số HT1797.08.17 do trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT cấp.

Tháng 3 năm 2009, công ty CP Minh Hữu Liên mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh thương mại.

Tháng 04 năm 2009, Văn Phòng giao dịch Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên chính thức được thành lập tại điểm R1-49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7.

Tháng 11 năm 2009, Công ty đã lập kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ thông qua phương thức phát hành 1.350.000 cổ phiếu, với mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu và chính thức được niêm yết trên sàn Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: MHL.

Năm 2010, Công ty tăng vốn điều lệ lên 39.763.500.000 tỷ đồng.

Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên đã tiến hành việc Tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp thông qua sự hỗ trợ của đơn vị tư vấn chuyên nghiệp trong lĩnh vực Tái cấu trúc doanh nghiệp là Công ty Cổ Phần Giải pháp Phát triển Doanh nghiệp (BDSC). Qua đó Công ty bước đầu đã hoàn thành giai đoạn đầu tiên của Chương trình Tái cấu trúc toàn diện, tập trung vào 03 vấn đề trọng yếu bao gồm: (1) Xây dựng Chiến lược kinh doanh, (2) Xây dựng Chiến lược thương hiệu và (3) Xây dựng hệ thống quản lý doanh nghiệp.

Trong năm 2011, công ty tập trung phát triển chủng loại sản phẩm ứng dụng từ thép: xe đẩy 2 bánh, xe đẩy 4 bánh, xe công cụ, xe tiện dụng, ... để chào bán vào kênh siêu thị Metro đồng thời đẩy mạnh doanh số xuất khẩu.

Năm 2012, Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên phát triển thêm dòng sản phẩm nội thất gia đình hiện đại, sang trọng để tiếp cận phân khúc khách hàng có thu nhập trung - cao.

Năm 2013, Công ty mở rộng phạm vi sản xuất với các loại sản phẩm có kết cấu phức tạp hơn nhằm gia tăng số lượng khách hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ với mục đích tạo dựng một thương hiệu tin cậy.

Năm 2014, Công ty tiến hành rà soát lại các danh mục sản phẩm nhằm cắt giảm đầu tư vốn và nguồn nhân lực cho những dòng sản phẩm không mang lại lợi nhuận cao và tập trung phát triển vào mảng thương mại và sản xuất.

2. Các dòng sản phẩm chính:

Công ty chuyên sản xuất :

2.1 Các sản phẩm mang tính tiện dụng cao với nguyên liệu từ sắt thép phục vụ cho nhu cầu vận chuyển, dân dụng thích hợp sử dụng cho gia đình, công ty, nhà máy, bệnh viện và trường học.



Các sản phẩm luôn được cập nhật những chuẩn mực quốc tế mới do đó mẫu mã, chất lượng không ngừng được nâng cao.



2.2 Các sản phẩm ống Inox bước đầu giúp công ty tiếp cận được với một lượng khách hàng mới đầy tiềm năng.



Thị trường nội địa với các dự án tiêu biểu:

Trên thị trường, các doanh nghiệp ngày càng cạnh tranh gay gắt về giá, nhưng tương ứng với giá thấp, sản phẩm được cung cấp thường kém chất lượng. Minh Hữu Liên xác định rõ phân khúc thị trường và đối tượng khách hàng của mình, luôn giữ vững tôn chỉ “kinh doanh uy tín, sản phẩm chất lượng”, bằng mọi cách vẫn luôn quan tâm, đảm bảo lấy yếu tố chất lượng làm tiêu chí kinh doanh hàng đầu. Đây chính là chìa khóa quan trọng giúp Minh Hữu Liên chinh phục người tiêu dùng.

Chất lượng sản phẩm ổn định cùng uy tín công ty đã giúp Minh Hữu Liên khẳng định được vị thế nhất định của mình trên thị trường thông qua:

- Các công trình trường học như: Trường Đại Học Bách Khoa, Trường Đại học Tôn Đức Thắng – cơ sở Nha Trang, Trường Đại Học Hoa Sen, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật

- Hợp tác với công ty IKEA – nhãn hiệu nội ngoại thất nổi tiếng trên thế giới nhằm cung cấp các sản phẩm nội thất ngoài trời.
- Hợp tác với Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam nhằm cung cấp các sản phẩm dân dụng.
- Các công trình công cộng như: bờ kè sông Vĩnh Long, Bờ kè sông Cần Thơ, lan can bệnh viện Phan Rang, lan can bệnh viện Quy Nhơn, ...

Thị trường xuất khẩu :

Bên cạnh việc phát triển thị trường nội địa thông qua kênh siêu thị như Metro Cash & Carry, Công ty tiếp tục phát triển mảng xuất khẩu sang thị trường Mỹ với dòng sản phẩm ứng dụng từ thép với sản lượng không ngừng gia tăng qua các năm.

Kinh nghiệm làm việc với các đối tác nước ngoài tạo điều kiện cho Công ty luôn được cập nhật những chuẩn mực quốc tế mới do đó mẫu mã, chất lượng không ngừng được nâng cao.

Việc xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ - nơi có những qui định rất nghiêm ngặt về quản lý chất lượng sản phẩm – là thực tế minh chứng cho lời Cam kết Chất lượng của Công ty với khách hàng và khẳng định xu thế phát triển bền vững trong tương lai.

3. Định hướng phát triển :

Những thành công đã đạt được trong thời gian qua là tiền đề cho những kế hoạch phát triển đầy tiềm năng của Công Ty CP Minh Hữu Liên:

+ Củng cố doanh số khách hàng cũ thông qua các chính sách hỗ trợ bán hàng để gia tăng sản lượng. Đồng thời công ty chú trọng phát triển thêm các hạng mục sản phẩm mới cho khách hàng cũ.

+ Đồng thời, Minh Hữu Liên hướng đến việc dạng hóa các dòng sản phẩm ứng dụng từ thép để chào hàng trực tiếp tại các tập đoàn bán lẻ tại Mỹ, Úc để gia tăng số lượng khách hàng mới.

+ Tập trung phát triển mạnh phân khúc khách hàng có yêu cầu chất lượng cao cho sản phẩm cao cấp, sản phẩm xuất khẩu.

+ Phát triển hoạt động mua bán các sản phẩm thương mại để tối ưu hóa qui trình sản xuất và đưa sản phẩm ra thị trường.

4. Triết lý kinh doanh :

- **Về mặt Nhân sự:** tạo dựng Minh Hữu Liên trở thành “môi trường làm việc lý tưởng” cho người lao động.
- **Về sản phẩm:** nói đến sản phẩm của Minh Hữu Liên là nói đến “Chất lượng số 1” trong phân khúc thị trường mục tiêu.
- **Thương hiệu:** xây dựng thương hiệu của các sản phẩm Minh Hữu Liên trở thành thương hiệu mạnh trong ngành nội, ngoại thất bàn ghế.
- **Hệ thống quản lý:** Chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất.
- **Văn hóa doanh nghiệp:** mạnh và tác động tốt đến hoạt động của công ty.

5. Sứ mệnh và tầm nhìn :

- **SỨ MỆNH:** “Đáp ứng mọi nhu cầu hợp lý của khách hàng để không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống”
- **TẦM NHÌN:** “Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành kinh doanh thép, các sản phẩm ứng dụng từ thép và nội thất”

6. Các mục tiêu của giai đoạn 2015 – 2017 :

- Đẩy mạnh xuất khẩu dòng sản phẩm ứng dụng từ thép qua thị trường Mỹ, Úc.
- Đẩy mạnh phát triển thương hiệu nội thất Moderno với phong cách đơn giản, tinh tế
- Triển khai và phát triển ngành hàng ống Inox với phương châm chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là ưu tiên hàng đầu

- Định hướng kế hoạch kinh doanh của công ty tới năm 2017 cụ thể như sau :

Chỉ Tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng doanh thu	372 tỷ	410 tỷ	450 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	7 tỷ	8 tỷ	9 tỷ
Chia cổ tức bằng tiền mặt	10%	12%	15%

II. TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức:

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được luật pháp và điều lệ công ty quy định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị công ty có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm.

BAN KIỂM SOÁT

- Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Ban kiểm soát có 3 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

BAN GIÁM ĐỐC:

- Bao gồm Giám Đốc và Phó Giám Đốc
- Giám Đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

KHỐI SẢN XUẤT – KỸ THUẬT

- Lập kế hoạch, tổ chức triển khai sản xuất đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty trong từng thời điểm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.
- Bảo đảm quá trình sản xuất nằm trong kiểm soát của hệ thống quản lý chất lượng.
- Bảo đảm chất lượng sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn.

- Đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng hoạt động tốt và đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất ý kiến với Ban Giám đốc về các biện pháp cải tiến hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Thiết kế sản phẩm theo yêu cầu khách hàng, chế tạo, phát triển sản phẩm
- Thiết kế các công cụ, khuôn gá phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- Giám sát và điều hành thực hiện nội quy an toàn lao động, biên chế cấp bậc kỹ thuật.

PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN – THỐNG KÊ

- Các công việc liên quan đến công tác tính giá thành, hạch toán, phân bổ các chi phí; thực hiện các chức năng quản lý tài chính kế toán theo qui định; thiết lập và lưu giữ hồ sơ; cung cấp số liệu cho các bộ phận và các cơ quan chức năng.

PHÒNG NHÂN SỰ HÀNH CHÍNH

- Giải quyết các vấn đề về nhân sự, tuyển dụng, đào tạo phát triển nhân viên; phụ trách lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho công nhân viên Công ty. Quản lý công tác hành chính, văn thư lưu trữ.

KHỐI KINH DOANH NỘI THẤT

- Xây dựng và phát triển hệ thống kinh doanh các sản phẩm nội thất văn phòng, nhà hàng và phân phối dòng sản phẩm nội thất cao cấp (thương hiệu Moderno).
- Thực hiện các chiến lược tiêu thụ sản phẩm, chính sách giá cả, đạt mục tiêu của Ban giám đốc đề ra.

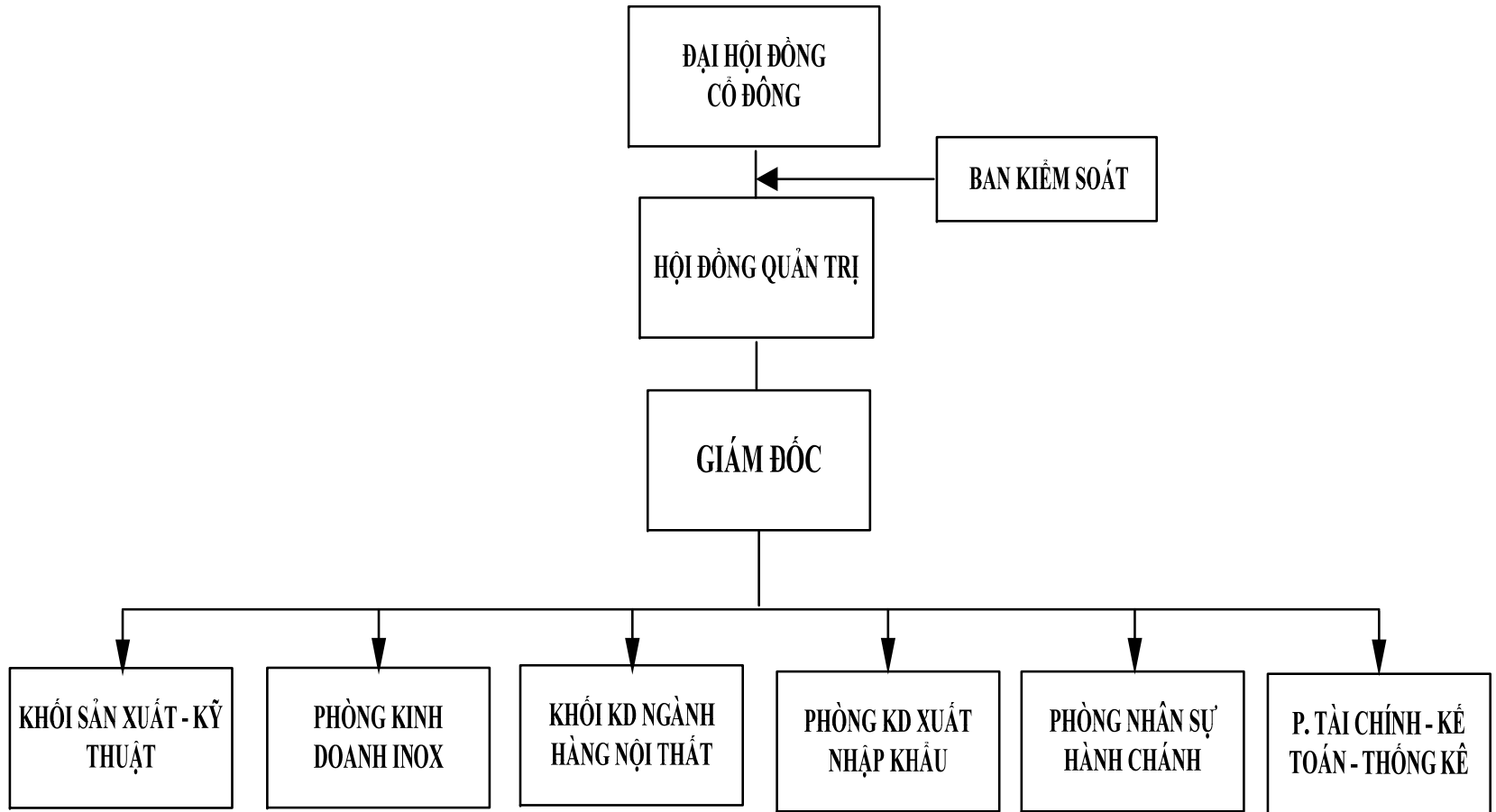
PHÒNG KD XUẤT NHẬP KHẨU

- Duy trì và phát triển thị trường xuất khẩu, góp phần xây dựng và khẳng định thương hiệu sản phẩm của Công ty.
- Thực hiện các thủ tục, công tác liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu Công ty.

PHÒNG KINH DOANH INOX

- Xây dựng và mở rộng hệ thống kinh doanh ngành hàng ống Inox.
- Đẩy mạnh khảo sát, phân tích, nghiên cứu thị trường xuất khẩu và nội địa từng bước củng cố thương hiệu Ống Inox Hữu Liên ở thị trường trong nước và khu vực

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN



2. Tóm tắt lý lịch cá nhân của Ban giám đốc :

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Tuấn Minh	Giám Đốc
2	Lê Tấn Quốc	Phó Giám Đốc Kinh Doanh Inox

Ông Trần Tuấn Minh: Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 24/06/1983

Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh

CMND : 023543525, ngày cấp: 15/06/1998, CA

TP.HCM Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Hoa

Quê quán : Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú : 5 – 7 Trần Điện, P.10, Q.5, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 5412 2948 – (08)5412 0781

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

+ Từ 2003 đến 2007: Phó giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu

+ Từ 2007 đến nay : Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên

Ông Lê Tấn Quốc : Phó Giám Đốc Kinh Doanh Inox

Ngày tháng năm sinh: 27/05/1972

Nơi sinh : Sài Gòn

CMND : 022317855

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nam Hòa

Địa chỉ thường trú : 15/9 Trần Hưng Đạo, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 1194

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Anh Ngữ

Quá trình công tác :

- + Từ 2009 đến 2010 : Posco Vietnam Processing Centre (POSCO-VHPC)
- + Từ 2011 đến 2012 : Sunmark Production Co., Ltd
- + Từ 7 / 2012 đến nay : Công ty CP Minh Hữu Liên

3. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động

A. Số lượng lao động

- Tính đến 01/01/2014, số lượng người lao động trong Công ty là 287 người. Cơ cấu lao động của Công ty được phân như sau:
 - Kỹ sư : 28 người
 - Nhân viên văn phòng : 63 người
 - Công nhân : 196 người

B. Chính sách với người lao động

B.1. Chính sách đào tạo:

- Công ty mong muốn xây dựng một hệ thống quản lý chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất nên công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động là hết sức cần thiết.
- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau:
 - Đào tạo nội bộ thông qua việc mời các chuyên gia của Công ty Cổ Phần Giải pháp Phát triển Doanh nghiệp (BDSC) đến đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khoá đào tạo tại bên ngoài.
 - Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề nhằm tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng cho người lao động.
 - Hướng người lao động đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp có tác động tích cực đến hoạt động của công ty.
 - Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:
 - Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo qui định của Luật Lao động.
 - Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo Luật lao động Việt Nam.
 - Chế độ nâng bậc lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 3 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại; trợ cấp tiền cơm, ...

- **Thưởng:** Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật....

B.2. Chế độ nghỉ phép, lễ, tết: Công ty thực hiện theo luật định.

B3. Bảo hiểm và phúc lợi

- Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định.

B4. Tổ chức Công Đoàn

- Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn và các luật liên quan khác.





Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份有限公司

R1-49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bàu Bàng Đoàn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

III. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

a. Hội Đồng Quản Trị

- Hội đồng quản trị của Công ty CP Minh Hữu Liên hiện nay có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm bao gồm 1 chủ tịch và 4 uỷ viên.

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Xảo Cơ	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Tuấn Minh	Thành viên HĐQT
3	Trần Thanh Sang	Thành viên HĐQT
4	Lê Anh Hải	Thành viên HĐQT
5	Khưu Kim Hòa	Thành viên HĐQT



Ông Trần Xảo Cơ – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 14/11/1948
- Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh
- CMND : 021616925, ngày cấp 7/10/2003, nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: 5 – 7 Trần Điện, P.10, Q.5, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754

- Trình độ văn hóa: 9/12
- Trình độ chuyên môn: trên 20 năm kinh nghiệm năm trong ngành thép
- Quá trình công tác :
 - + Từ 1978 – 1981: Tổ trưởng Tổ sản xuất Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
 - + Từ 1981 – 1989: Tổ trưởng Hợp tác xã Cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
 - + Từ 1989 – 1991: Giám đốc xí nghiệp tư doanh cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
 - + Từ 1991 – 1996: Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích băng tải và kinh doanh sắt thép)
 - + Từ 1996 – 2001: Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên, thực hiện dự án liên doanh với Công ty Shiuh Cherng (Đài Loan) sản xuất ống thép tại Việt Nam
 - + Từ 2001 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012):
- Đại diện sở hữu: 1,220,000 cổ phần, chiếm 30.68% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Trần Tuấn Minh: Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 24/06/1983
- Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh
- CMND: 023543525, ngày cấp: 15/06/1998, CA TP.HCM Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc: Hoa

- Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: 5 – 7 Trần Điện, P.10, Q.5, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 5412 2948 – (08)5412 0781
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác
 - + Từ 2003 đến 2007 : Phó giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
 - + Từ 2007 đến nay : Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
 - Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên
 - + Từ 6/2008 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:
 - + Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên
 - + Thành viên Hội đồng quản trị Cty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 180.000 cổ phần, chiếm 4.52% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 180.000 cổ phần, chiếm 4.52% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Trần Thanh Sang : Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 19/05/1975
- Nơi sinh: Quy Nhơn – Bình Định
- CMND : 024596224, cấp ngày 15/09/2010, nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Quy Nhơn – Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 10B2-13 Khu phố Skygarden3, Phú Mỹ Hưng, Q7, TP.HCM

- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3521 0668
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác
 - + Từ 1997 – 1999 : LG INTERNATIONAL GROUP (Giám đốc Thương Hiệu)
 - + Từ 1999 – 2005 : SC.JOHNSON&SONS ĐÔNG DƯƠNG
(GĐ Thương hiệu Cấp Cao, GĐ kinh doanh và Tiếp thị, GĐ M&A ĐÔNG DƯƠNG)
 - + Từ 2005 – 2006 : FRIESLANDCAMPINA VIETNAM (DUTCH LADY)
(GĐ Tiếp thị)
 - + Từ 2006-2008 : WRIGLEY GROUP (CHÂU Á)
(GĐ Chiến lược và Tiếp thị, GĐ M&A CHÂU Á).
 - + Từ 2008-2010 : VIETFASHION CORP (Giám đốc điều hành - CEO)
 - + Từ 2010 đến nay : BDSC (Giám đốc điều hành CEO)
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Điều hành (CEO) Công ty CP Giải Pháp Phát Triển Doanh Nghiệp (BDSC)
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Ông Lê Anh Hải : Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 16/03/1973
- Nơi sinh: Hà Sơn Bình
- CMND : 361434136, cấp ngày 03/03/2006, nơi cấp: CA TP.Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Hà Sơn Bình
- Địa chỉ thường trú: 963 Hậu Giang, Chung cư Bình Phú, Lầu 6, Nhà D064, F.11, Q.6 TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác
 - + Từ 1995 – 2000 : Điều hành thương mại Cty Liên doanh Sơn Cao Cấp APC
 - + Từ 2000 – 2004 : Giám đốc bán hàng khu vực Cty SC. Johnson & Son Việt Nam.
 - + Từ 2004 – 2006 : Giám đốc bán hàng vùng Cty Colgate Palmolive Việt Nam
 - + Từ 2006 – 05/2007 : Giám đốc bán hàng TP.HCM Cty GlaxoSmithKline.
 - + Từ 6/2007 – 9/2007: Trưởng Phòng nghiên cứu phát triển thị trường Cty CP Hữu Liên Á Châu
 - + Từ 9/2007 đến nay : Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
 - + Từ 6/2009 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Khuu Kim Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 16/12/1948
- Nơi sinh: TP.HCM
- CMND : 020869759, cấp ngày 26/04/1997, nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: 243 Đường số 7, phường Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Có kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán và cơ khí
- Quá trình công tác
 - + Từ 1980 – 1985 : Kế toán Tổ Hợp Vĩnh Hợp (sản xuất nan hoa (cắm) xe đạp)
 - + Từ 1985 – 1992 : Tổ trưởng Tổ Hợp Nhật Tảo (sản xuất gia công hộp thiết cho xí nghiệp Dược Phẩm Quận 11)
 - + Từ 1992 – 1995 : Kế toán công ty TNHH Tam Hòa (kinh doanh thương mại sắt thép)
 - + Từ 1995 – 1997 : Quản đốc xưởng ống thép Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên
 - + Từ 1997 – 2003 : Phó giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên
 - + Từ 2003 – 2007 : Quản đốc Quản Lý Sản Xuất Công ty CP Hữu Liên Á Châu
 - + Từ 2007 đến nay : Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

B. Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát của Công ty CP Minh Hữu Liên hiện có 3 thành viên, gồm 1 trưởng ban và 2 thành viên.

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Thu Mai	Thành viên BKS
3	Lê Huy Phong	Thành viên BKS

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân – Trưởng Ban Kiểm Soát

- Ngày tháng năm sinh : 07/12/1982
- Nơi sinh: Kontum
- CMND: 233048038, cấp ngày 26/08/1997, nơi cấp: CA Kontum
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Kontum
- Địa chỉ thường trú: 212 Phan Đình Phùng, thành phố Kontum, tỉnh Kontum
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác

+ Từ 2004 – 2009 : chuyên viên kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán DTL

- + Từ 2010 đến nay : chuyên viên kiểm soát nội bộ.Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ công tác hiện nay của tổ chức niêm yết : Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên kiểm soát nội bộ.Công ty CP Hữu Liên Á Châu.
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Bà Nguyễn Thị Thu Mai – Thành viên Ban Kiểm Soát

- Ngày tháng năm sinh:24/08/1985
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND: 212720537, cấp ngày 05/03/2003, nơi cấp: CA Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Xuân An, Tịnh Hòa, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Điện thoại liên lạc: 0972 879 133 Email: mai.nguyen@huulienasia.com
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt: Từ tháng 6/2008 đến tháng 09/2010 với chức vụ trợ lý kiểm toán.
 - Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu: Từ tháng 10/2010 đến nay với chức vụ chuyên viên kiểm soát nội bộ.

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên kiểm soát nội bộ. Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Ông Lê Huy Phong – Thành viên Ban Kiểm Soát

- Ngày tháng năm sinh : 06/02/1979
- Nơi sinh: TP. Biên Hoà
- CMND : 025033066, cấp ngày 18/10/2008, nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 259/12F Cách Mạng Tháng 8, P. 7, Q. Tân Bình, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (08) 5410 3894 – (08) 5412 3895
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
 - + Từ 3/2004 – 10/2004 : Công ty liên doanh Phú Mỹ Hưng
 - + Từ 10/2004 – 7/2005 : Công ty Graham Taylor Design
 - + Từ 7/2005 – 4/2007: Trưởng phòng đầu tư – phát triển Công ty CP Đầu tư Nhon Trạch
 - + Từ 4/2007 – 9/2007: Công ty CP Địa ốc Phú Long
 - + Từ 9/2007 – 3/2008: Trưởng Phòng phát triển dự án Công ty TNHH TM DV Hiệp Phúc
 - + Từ 3/2008 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Đầu tư Hữu Liên

- Chức vụ công tác hiện nay của tổ chức niêm yết : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty Đầu tư Hữu Liên
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

IV.
BÁO CÁO HĐQT & BGD
VỀ TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH 2013
&
PHƯƠNG HƯỚNG
PHÁT TRIỂN TRONG
NĂM 2014

I> BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Bước vào năm 2013, tuy tình hình có cải thiện hơn, nhưng về cơ bản nền kinh tế đang đối diện với 4 thách thức ngắn hạn:

Thứ nhất, nguy cơ tái lạm phát cao kèm theo sự trì trệ của thị trường

Thứ hai, tình hình nợ xấu chưa được cải thiện

Thứ ba, khả năng kéo giảm lãi suất cho vay không nhiều; khó đáp ứng sự mong đợi của Doanh Nghiệp

Thứ tư, những nỗ lực để làm “ấm” thị trường bất động sản chưa thể mang lại kết quả, nên thanh khoản của thị trường này khó được cải thiện

Trong năm 2013, tình hình kinh tế thế giới còn diễn biến thất thường, có tác động bất lợi đối với những nền kinh tế có độ mở lớn như nền kinh tế Việt Nam. Chính phủ đang có nhiều nỗ lực để tạo niềm tin cho thị trường thông qua một “gói giải pháp hỗ trợ thị trường” nhằm: giải quyết hàng tồn kho; xử lý nợ xấu và tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản. Nhờ vậy, năm 2013, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu hồi phục.

Trong bối cảnh đó, Công ty đã củng cố và gia tăng doanh số tối đa các khách hàng cũ và tăng cường mở rộng tìm kiếm khách hàng mới cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm.

Công ty CP Minh Hữu Liên đã có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TH 2013 / KH 2013
1.	Doanh thu thuần	431.5 tỷ	425.1 tỷ	98.52%
2.	Lợi nhuận trước thuế	8.75 tỷ	2.36 tỷ	26.97%
3.	Nộp ngân sách nhà nước	2.75 tỷ	1.49 tỷ	54.18%
4.	Lợi nhuận sau thuế	6 tỷ	870 triệu	14.50%
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi cổ tức bằng tiền mặt (10%)	3.97 tỷ	0	0
	Quỹ khen thưởng	800 triệu	500 triệu	62.50%
	Quỹ phúc lợi	810 triệu	0	0
	Quỹ đầu tư phát triển	300 triệu	110.8 triệu	36.93%
	Quỹ dự phòng tài chính	0	0	
	Thưởng cho HĐQT	120 triệu	0	0
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4.7triệu	4.3 triệu	91.5%

Với những khó khăn còn tồn đọng trong năm 2013 của nền kinh tế, hiệu quả SXKD của Công ty vẫn chưa được tối đa hóa. Tuy nhiên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi đã là cố gắng rất lớn của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên.

II> VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2013:

1. Thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm tài chính 2013

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TH 2013 / KH 2013
1.	Doanh thu thuần	431.5 tỷ	425.1 tỷ	98.52 %
2.	Lợi nhuận trước thuế	8.75 tỷ	2.36 tỷ	26.97 %
3.	Nộp ngân sách	2.75 tỷ	1.49 tỷ	54.18 %
4.	Lợi nhuận sau thuế	6 tỷ	0.87 tỷ	14.5 %

Nguyên nhân không đạt Lợi nhuận kế hoạch:

Kế hoạch tài chính năm 2013, được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty lập căn cứ vào năng lực sản xuất, năng lực kinh doanh của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên và một số yếu tố dự báo về tình hình kinh tế Thế giới và kinh tế Việt Nam trong năm 2013.

Tuy nhiên, thực trạng trong năm 2013 ngành thép nói chung, ngành xây dựng nói riêng phải đối diện với nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

- Chính phủ tiếp tục đặt trọng tâm kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô khiến cho việc đầu tư công chỉ duy trì ở mức thấp dẫn đến nhu cầu xây dựng cắt giảm, đặt các doanh nghiệp liên quan vào tình thế cạnh tranh và khó khăn hơn rất nhiều.

- Năm 2013 Doanh thu thực hiện của Minh Hữu Liên đạt 98.52% với số lượng khách hàng đáng kể, hơn 1000 khách hàng trên khắp cả nước thông qua mục tiêu tăng doanh số bán ra nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, tạo điều kiện để sản phẩm của Công ty được nhiều khách hàng biết đến như một thương hiệu đáng tin cậy. Tuy nhiên, để đạt được điều đó Công ty phải giảm giá bán, kéo dài thời gian công nợ cho khách, đồng thời để đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh công ty phải huy động vốn vay dẫn đến chi phí tài chính cao và Lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra.

- Các yếu tố đầu vào như chi phí điện nước, chi phí xăng dầu, chi phí lương không ngừng tăng theo chủ trương của nhà nước... Trong khi giá đầu ra không tăng, ngược lại còn giảm khiến Công ty càng thêm khó khăn.

2. Về kết quả phân phối lợi nhuận và chia cổ tức cho năm tài chính 2013

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và nguồn thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2013 là 2.527.902.736 đồng.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013 như sau:

1. Chi trả cổ tức 2013: 5% trên mệnh giá cổ phần tương đương 1.917.025.000 đồng.

- Hình thức chi trả cổ tức : dưới dạng cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện : 20:01 (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu được hưởng cổ tức dưới dạng cổ phiếu là cổ đông có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách
- Thời gian chi trả dự kiến : Ủy quyền Hội đồng quản trị công ty lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông và địa điểm chi trả

2. Trích lập các quỹ:

- *Quỹ khen thưởng* : 500.000.000 đồng
- *Quỹ đầu tư phát triển* : 110.877.736 đồng

3. Về thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính 2013

DVT: Đồng / năm

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	408.000.000	408.000.000
Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	92.000.000	0
Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm (2% lợi nhuận sau thuế)	0	0
TỔNG CỘNG	500.000.000	408.000.000

4. Về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán DTL là đơn vị kiểm toán độc lập được Đại hội đồng cổ đông thông qua thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

5. Về phương án tăng vốn thông qua việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Năm 2013, công ty nhắm tới mở rộng thị trường sản xuất xuất khẩu còn nhiều tiềm năng, đồng thời phát triển thị phần sản xuất và thương mại nội địa. Do đó, Hội Đồng Quản Trị dự kiến bổ sung nguồn vốn thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu nhằm đưa công ty đi vào hoạt động ổn định trên vốn tự có mà không lệ thuộc quá nhiều vào vốn vay với nhiều cơ chế chính sách thay đổi thường xuyên như hiện nay làm gián đoạn và kiềm hãm khả năng phát triển của công ty, với số vốn tăng dự kiến là 20 tỷ theo Nghị quyết số 22012013/NQ-ĐHĐCD như sau:

- Niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm của đợt phát hành này trong năm 2013.
- Ủy quyền HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan để đợt phát hành thêm hoàn thành đúng thời hạn.
- Sửa đổi điều lệ công ty về việc tăng vốn điều lệ lên số vốn mới tương ứng với số vốn tăng thêm từ đợt phát hành cổ phiếu này.

Tuy nhiên, việc huy động bổ sung 20 tỷ vào nguồn vốn lưu động của Công ty thông qua hình thức phát hành thêm cổ phiếu đã không hoàn thành do Công ty vẫn chưa tìm được nhà đầu tư chiến lược. Trong năm 2013 tình hình kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, chính sự bất ổn của nền kinh tế đã ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch tìm kiếm nguồn vốn nhằm bổ sung vốn hoạt động của Công ty.

III> PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

A. Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Từ sự đánh giá tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2013 có thể thấy, năm 2014 nền kinh tế vẫn chưa thể ra khỏi giai đoạn trì trệ. Những khó khăn đặt ra trong năm 2013 vẫn

sẽ tiếp tục kéo dài trong năm 2014. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, song tốc độ chậm.

Đánh giá được những khó khăn trên, Ban lãnh đạo Công ty đề ra một số định hướng cần phải thực hiện trong năm 2014 như sau:

1. Rà soát tất cả các nguồn chi phí, đảm bảo tiết kiệm tối đa chi phí Doanh Nghiệp.
2. Cơ cấu lại sản phẩm sản xuất xuất khẩu và tiêu thụ nội địa đem lại lợi nhuận cao để đảm bảo hiệu quả sản xuất của nhà máy.
3. Tập trung đầu tư vốn vào các sản phẩm chủ lực cắt giảm những sản phẩm đem lại lợi nhuận thấp thay vì đa dạng hóa sản phẩm nhằm tạo ra chỗ đứng trên thị trường nội địa
4. Tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm sản xuất cho thị trường nội địa và xuất khẩu thông qua các tập đoàn lớn như METRO, CENTRAL PURCHASING... qua việc gia tăng các hạng mục sản phẩm mới.
5. Đa dạng hóa các dòng sản phẩm ứng dụng từ thép để chào hàng trực tiếp tại các tập đoàn bán lẻ tại Mỹ, Úc.

3. Kế hoạch sản xuất và lợi nhuận năm 2014 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014
1.	Doanh thu thuần	338 tỷ
2.	Lợi nhuận trước thuế	6.8 tỷ
3.	Nộp ngân sách nhà nước	1.8 tỷ
4.	Lợi nhuận sau thuế	5 tỷ
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	
	Chi cổ tức bằng tiền mặt (10% vốn)	3.97 tỷ
	Quỹ khen thưởng (10% LN)	500 triệu
	Quỹ phúc lợi (3%)	150 triệu
	Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2014 (2% LN)	100 triệu
	Bổ sung quỹ dự phòng tài chính	280 triệu
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	5.1 triệu

6. Kế hoạch sản xuất và lợi nhuận năm 2013 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013
1.	Doanh thu thuần	431,5 tỷ
2.	Lợi nhuận trước thuế	8.75 tỷ
3.	Nộp ngân sách nhà nước	2,75 tỷ
4.	Lợi nhuận sau thuế	6 tỷ
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	
	Chi cổ tức bằng tiền mặt 10%	3.97 tỷ
	Quỹ khen thưởng	800 triệu
	Quỹ phúc lợi	810 triệu
	Quỹ đầu tư phát triển	300 triệu
	Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2013 (2%)	120 triệu
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4.7 triệu

IV> ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN TỚI NĂM 2017

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch kinh doanh của Công ty tới năm 2017, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng doanh thu	372 tỷ	410 tỷ	450 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	7 tỷ	8 tỷ	9 tỷ
Chia cổ tức bằng tiền mặt	10%	12%	15%

Kết luận:

Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng vào sự ủng hộ nhiệt thành của các Quý Cổ đông, của các cán bộ quản lý cấp cao đầy nhiệt huyết và sự nỗ lực đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty để cùng đứng vững, vượt qua những khó khăn và đạt được các mục tiêu đề ra cho năm 2014.

VI. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NĂM 2013

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên. Định kỳ, Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát quá trình hoạt động của Công ty trong năm qua với các nội dung sau:

- Kết quả giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc Công ty
- Kết quả kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2013
- Kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2013
- Kết quả kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2013
- Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát
- Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát trong năm 2014.

I> KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2013, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Kinh tế của Châu Âu vẫn còn mờ nhạt và tác động không nhỏ đến sản xuất trong nước ta. Bên cạnh đó, các yếu tố nội tại cũng chưa được giải quyết triệt để như hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, nợ xấu ngân hàng đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể...

Các doanh nghiệp ngành Thép, ngành xây dựng trong năm 2013 đều bị ảnh hưởng nặng nề từ sự bất ổn của nền kinh tế trong nước, nhu cầu tiêu thụ trong nước rất thấp và cạnh tranh gay gắt về thị trường, về giá bán dẫn đến thị trường trong nước đầy bất ổn. Ngoài ra trong năm do thị trường bất động sản vẫn còn đóng băng, đầu tư công cắt giảm khiến nhu cầu thép và nội thất giảm sút mạnh.

Những vấn đề trên đã ảnh hưởng bất lợi cho ngành thép, ngành xây dựng nói chung và các sản phẩm ứng dụng từ thép của Minh Hữu Liên nói riêng. Trước tình hình trên, Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc để thực hiện các giải pháp nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tập trung củng cố thị phần trong nước và xuất khẩu để Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên vượt qua giai đoạn khó khăn.

Các nghị quyết đại hội cổ đông năm 2013 được Hội đồng quản trị chỉ đạo triển khai kịp thời đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của Công ty trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế.

Các hoạt động của Hội đồng quản trị đã tuân thủ theo luật định và điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua

2. Hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty đã phối hợp với các phòng ban và toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty cùng nhau khắc phục khó khăn, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí phân phối và chi phí hoạt động nhằm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra của Hội đồng quản trị.

Tích cực thực hiện công tác tái cấu trúc các dòng sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm sản xuất chủ lực cho thị trường nội địa và gia tăng các hạng mục hàng hóa cho thị trường xuất khẩu.

Ngoài ra trong năm Ban Giám đốc đã sửa đổi và ban hành bổ sung các chính sách, quy định, quy trình quản trị nội bộ giúp hoạt động của Công ty được thuận lợi, minh bạch và hiệu quả.

II> KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NĂM TÀI CHÍNH 2012:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2013 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2012 đến ngày 30/09/2013):

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TH 2013 / KH 2013
1.	Doanh thu thuần	431.5 tỷ	425.1 tỷ	98.52 %
2.	Lợi nhuận trước thuế	8.75 tỷ	2.36 tỷ	26.97 %
3.	Nộp ngân sách nhà nước	2.75 tỷ	1.49 tỷ	54.18 %
4.	Lợi nhuận sau thuế	6 tỷ	0.87 tỷ	14.5 %
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi cổ tức bằng tiền mặt	3.97 tỷ	0	0
	Quỹ khen thưởng	800 triệu	500 triệu	62.50%
	Quỹ phúc lợi	810 triệu	0	0
	Thưởng cho HĐQT	120 triệu	0	0
	Quỹ đầu tư phát triển	300 triệu	110.8 triệu	36.93%

	Quỹ dự phòng tài chính	0	0	0
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4.7 triệu	4.3 triệu	91.5%

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2012:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	30/09/2013	30/09/2012	TĂNG (+) / GIẢM (-)
A.	TỔNG TÀI SẢN	180.679	134.607	46.072
I.	Tài sản ngắn hạn	143.462	100.444	43.018
II.	Tài sản dài hạn	37.217	34.163	3.054
B.	TỔNG NGUỒN VỐN	180.679	134.607	46.072
I.	Nợ phải trả	137.689	90.921	46.768
II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	42.990	43.686	(696)

III> KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên phản ánh trung thực và hợp lý, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Các khoản chi phí, khoản trích dự phòng và khoản nợ khó đòi được ghi nhận theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ban kiểm soát đã làm việc với Công ty TNHH kiểm toán DTL, qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm tài chính 2013 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán 2013.

Thông qua kết quả kiểm toán báo cáo tài chính 2013, Ban kiểm soát có nhận xét:

+ Tổng doanh thu thuần đạt 98,52% so với kế hoạch năm 2013.

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 14,50% so với kế hoạch năm 2013.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty mặc dù không đạt được kết quả như kế hoạch nhưng xét trong tình hình kinh tế hiện tại, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lẽ đã là cố gắng rất lớn của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên.

IV> KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2013

1. Thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm tài chính 2013

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TH 2013 / KH 2013
1.	Doanh thu thuần	431.5 tỷ	425.1 tỷ	98.52 %
2.	Lợi nhuận trước thuế	8.75 tỷ	2.36 tỷ	26.97 %
3.	Nộp ngân sách	2.75 tỷ	1.49 tỷ	54.18 %
4.	Lợi nhuận sau thuế	6 tỷ	0.87 tỷ	14.5 %

Nguyên nhân không đạt Lợi nhuận kế hoạch:

Kết quả Doanh thu – Lợi nhuận thực hiện được trong năm tài chính 2013 của Công ty không đạt được như kế hoạch đã đề ra là do các nguyên nhân chính sau:

- Vòng quay hàng tồn kho của Công ty còn thấp.
- Chi phí hoạt động tài chính tăng cao.
- Các yếu tố đầu vào như chi phí điện nước, chi phí xăng dầu, chi phí lương không ngừng tăng ... Trong khi giá đầu ra không tăng, ngược lại còn giảm khiến Công ty càng thêm khó khăn.

2. Về kết quả phân phối lợi nhuận và chia cổ tức cho năm tài chính 2013

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và nguồn thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2013 là 2.527.902.736 đồng.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013 như sau:

1. Chi trả cổ tức 2013: 5% trên mệnh giá cổ phần tương đương 1.917.025.000 đồng.

- Hình thức chi trả cổ tức : dưới dạng cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện : 20:01 (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu được hưởng cổ tức dưới dạng cổ phiếu là cổ đông có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách
- Thời gian chi trả dự kiến : Ủy quyền Hội đồng quản trị công ty lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông và địa điểm chi trả

2. Trích lập các quỹ:

- *Quỹ khen thưởng* : 500.000.000 đồng
- *Quỹ đầu tư phát triển* : 110.877.736 đồng

3. Về thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính 2013

ĐVT: Đồng / năm

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	408.000.000	408.000.000
Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	92.000.000	0
Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm (2% lợi nhuận sau thuế)	0	0
TỔNG CỘNG	500.000.000	408.000.000

4. Về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán DTL là đơn vị kiểm toán độc lập được Đại hội đồng cổ đông thông qua thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

5. Về phương án tăng vốn thông qua việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Việc huy động bổ sung 20 tỷ vào nguồn vốn lưu động của Công ty thông qua hình thức phát hành thêm cổ phiếu đã không hoàn thành do trong năm 2013 thị trường tài chính trong nước chưa có dấu hiệu phục hồi và còn nhiều khó khăn.

V> NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2014 nền kinh tế Việt Nam được đánh giá triển vọng và khả quan hơn năm 2013, song vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, do các khó khăn của năm 2013 vẫn chưa được giải quyết và có khả năng vẫn tiếp tục kéo dài trong năm tới, thậm chí có thể chi phối những năm kế tiếp. Vì vậy, năm 2014 được nhận định là năm kinh tế Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội, thách thức đan xen. Do đó, nhiệm vụ chính trong năm 2014 - 2015 vẫn là giữ ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế và quan trọng nhất là khôi phục lại niềm tin của thị trường.

Với chính sách vĩ mô nêu trên của chính phủ thì trong năm 2014 ngành thép, ngành nội thất trong nước phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn. Trên cơ sở nhận định này, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Cùng cố thị phần bán hàng trong và ngoài nước nhằm giữ vững thương hiệu Minh Hữu Liên.
- Tập trung và củng cố các dòng sản phẩm chủ lực nhằm tối ưu hóa tỷ suất lợi nhuận của Công ty.
- Chú trọng vào chính sách bán hàng, kiểm soát và thu hồi công nợ nhanh chóng để giảm áp lực tài chính cho Công ty và nâng cao khả năng sử dụng vốn.
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí bằng cách tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí phân phối và chi phí hoạt động.
- Tăng cường quản trị đầu vào giúp Công ty kiểm soát được nguồn mua nguyên liệu với giá cả hợp lý và chất lượng tốt.
- Tiếp tục vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận một cách hợp lý và hiệu quả.

VI> KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2014:

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông nhằm kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2014, Ban Kiểm soát sẽ tiến hành các công việc cụ thể theo kế hoạch sau:

1. Quý 1/2014:

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính 2013.
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ trong Công ty đã ban hành.

2. Quý 2/2014:

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 1/2014.
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 1/2014.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 1/2014 nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.
- Báo cáo Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.

3. Quý 3/2014:

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 2/2014.

- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2/2014.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 2/2014.
- Tham gia làm việc với Công ty kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014. Xem xét báo cáo soát xét, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kiểm tra việc khắc phục các sai sót.

4. Quý 4/2014:

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 3/2014.
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 3/2014.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 3/2014.

Trên đây là báo cáo tóm tắt của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, kính trình Đại hội xem xét và thông qua báo cáo.



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份有限公司

R1-49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bàu Bàng Đoàn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùì Bằìng Đòàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.462.037.353	100.443.596.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.493.607.401	3.630.791.787
1. Tiền	111		7.493.607.401	3.630.791.787
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	55.799.025.551	50.771.244.724
1. Phải thu khách hàng	131		50.824.640.505	42.239.620.344
2. Trả trước cho người bán	132		378.721.652	3.298.756.057
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		4.957.511.933	6.294.493.711
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(361.848.539)	(1.061.625.388)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	73.297.008.867	44.059.442.637
1. Hàng tồn kho	141		73.339.014.485	44.101.448.255
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.005.618)	(42.005.618)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.872.395.534	1.982.117.337
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	541.777.177	989.243.147
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		40.638.462	1.376.261
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	6.289.979.895	991.497.929

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bù Bàng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.217.765.883	34.163.775.412
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.626.419.801	31.661.032.852
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	17.936.512.994	31.661.032.852
+ Nguyên giá	222		24.907.006.260	37.202.125.159
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.970.493.266)	(5.541.092.307)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.7	13.467.363.601	-
+ Nguyên giá	225		15.669.718.107	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.202.354.506)	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	222.543.206	-
+ Nguyên giá	228		250.440.000	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.896.794)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.591.346.082	2.502.742.560
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.452.178.228	1.761.720.960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	2.139.167.854	741.021.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		180.679.803.236	134.607.371.897

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		137.689.911.050	90.920.844.626
I. Nợ ngắn hạn	310		132.685.797.937	90.834.030.953
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	65.813.007.542	19.500.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.12	62.405.731.452	68.732.704.997
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	2.054.511.137	770.630.711
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	2.140.096.025	1.535.321.604
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	5.14	208.529.031	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		14.101.300	18.458.841
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.15	49.821.451	276.914.800
II. Nợ dài hạn	330		5.004.113.113	86.813.673
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	4.989.979.107	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		14.134.006	14.134.006
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	72.679.667
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.989.892.186	43.686.527.271
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	42.989.892.186	43.686.527.271
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.763.500.000	39.763.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.657.825.820	1.657.825.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		698.489.450	454.453.875
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		870.076.916	1.810.747.576
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		180.679.803.236	134.607.371.897

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.061.625.388	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		6.047,41	23.417,51
+ EUR		100,00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



LƯU NGỌC HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùì Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	425.113.054.506	282.927.287.656
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		425.113.054.506	282.927.287.656
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	395.846.009.123	262.691.538.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.267.045.383	20.235.749.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	432.540.747	558.322.443
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.180.350.100	2.562.422.055
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		5.038.471.203	1.876.312.686
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	14.594.732.067	11.687.999.738
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	7.298.361.004	5.262.107.383
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.626.142.959	1.281.542.796
11. Thu nhập khác	31	6.7	16.828.596.332	5.256.522.331
12. Chi phí khác	32	6.8	16.092.860.281	3.510.205.579
13. Lợi nhuận khác	40		735.736.051	1.746.316.752
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.361.879.010	3.027.859.548
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.491.802.094	1.208.493.167
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	8.618.806
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		870.076.916	1.810.747.575
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.17.4	227	472

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





LƯU NGỌC HÂN

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.361.879.010	3.027.859.548
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5.496.470.765	1.800.900.303
Các khoản dự phòng	03		361.848.539	318.487.616
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		24.912.569	(56.536.026)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(657.921.451)	(1.625.270.599)
Chi phí lãi vay	06		5.038.471.203	1.876.312.686
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.625.660.635	5.341.753.528
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.686.232.181	(29.936.727.561)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.237.566.230)	(33.216.133.796)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(4.353.603.915)	42.202.418.791
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(822.262.620)	(1.565.916.317)
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.877.328.536)	(1.940.020.325)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(601.294.248)	(1.396.738.659)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.837.292.927	1.058.637.355
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(15.285.750.496)	(9.241.526.814)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(31.028.620.302)	(28.694.253.797)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.302.696.230)	(678.785.838)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		945.454.545	5.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		132.576.744	194.502.620
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.224.664.942)	5.515.716.782

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bàu Bàng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(141.412.260)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		168.301.921.918	107.450.848.860
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(125.083.227.772)	(93.624.660.354)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(3.077.680.719)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.141.013.427	13.684.776.246
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		3.887.728.183	(9.493.760.769)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.630.791.787	13.092.916.839
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(24.912.569)	31.635.717
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		7.493.607.401	3.630.791.787

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





LƯU NGỌC HÂN

NHỊ THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 07 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 39.763.500.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến tại trụ sở).
- Sản xuất Inox.
- Bán buôn: đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/10 đến 30/09.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ dụng cụ và các chi phí khác, được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định vô hình	08 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.8 Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn trong trường hợp chúng được vốn hóa theo chính sách kế toán chi phí lãi vay của Công ty.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị	04 – 07 năm
-------------------	-------------

4.9 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

▪ Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào tổng kê kinh nghiệm.

▪ Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.10 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.11 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: các quỹ được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

▪ Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

▪ Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.14 Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

+ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%

+ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Hàng xuất khẩu	0%
+ Hàng nội thất	10%
+ Hàng Inox và xe đẩy	10%

- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.15 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	3.139.009.215	612.634.274
Tiền gửi ngân hàng	4.354.598.186	3.018.157.513
Tổng cộng	7.493.607.401	3.630.791.787

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	50.824.640.505	42.239.620.344
- Khách hàng trong nước	36.809.083.033	37.408.427.029
- Khách hàng nước ngoài	14.015.557.472	4.831.193.315
Trả trước cho người bán	378.721.652	3.298.756.057
- Khách hàng trong nước	378.721.652	272.117.271
- Khách hàng nước ngoài	-	3.026.638.786
Các khoản phải thu khác	4.957.511.933	6.294.493.711
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	56.160.874.090	51.832.870.112
Dự phòng phải thu khó đòi	(361.848.539)	(1.061.625.388)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	55.799.025.551	50.771.244.724

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	2.089.160.331	7.414.000
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	-	15.226.000
Cộng – xem thêm mục 8	2.089.160.331	22.640.000

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	526.518.339	-
Phải thu về thuế GTGT để nghị hoàn	4.409.423.725	6.294.493.711
Khác	21.569.869	-
Cộng	4.957.511.933	6.294.493.711

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùì Bắng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	37.066.373.690	15.628.174.301
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.340.082.466	1.294.780.542
Thành phẩm	30.068.527.291	22.971.837.854
Hàng hóa	4.864.031.038	4.206.655.558
Cộng giá gốc hàng tồn kho	73.339.014.485	44.101.448.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(42.005.618)	(42.005.618)
Giá trị thuần có thể thực hiện	73.297.008.867	44.059.442.637

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay là 60.362.857.143 đồng – xem thêm mục 5.11.

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Đây là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng còn phân bổ.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	139.421.000	96.595.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.150.558.895	894.902.929
Tổng cộng	6.289.979.895	991.497.929

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Q.07, TP.HCM

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	30.300.909	35.074.146.183	1.439.739.359	657.938.708	37.202.125.159
Mua trong năm	-	4.962.875.658	881.969.178	219.611.394	6.064.456.230
Thanh lý, nhượng bán	-	(16.105.812.457)	(1.173.501.264)	-	(17.279.313.721)
Giảm khác	(30.300.909)	(618.736.599)	(27.000.000)	(404.223.900)	(1.080.261.408)
Số dư cuối năm	-	23.312.472.785	1.121.207.273	473.326.202	24.907.006.260
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.132.083	4.764.524.075	451.459.462	319.976.687	5.541.092.307
Khấu hao trong năm	4.545.135	2.870.982.534	262.458.555	128.233.241	3.266.219.465
Thanh lý, nhượng bán	-	(738.504.255)	(450.981.521)	-	(1.189.485.776)
Giảm khác	(9.677.218)	(406.113.084)	(5.625.000)	(225.917.428)	(647.332.730)
Số dư cuối năm	-	6.490.889.270	257.311.496	222.292.500	6.970.493.266
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	25.168.826	30.309.622.108	988.279.897	337.962.021	31.661.032.852
Tại ngày cuối năm	-	16.821.583.515	863.895.777	251.033.702	17.936.512.994

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 110.661.818 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục		Máy móc thiết bị
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		-
Thuê tài chính trong năm		15.669.718.107
Số dư cuối năm		15.669.718.107
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		-
Khấu hao trong năm		2.202.354.506
Số dư cuối năm		2.202.354.506
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm		-
Tại ngày cuối năm		13.467.363.601

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục		Phần mềm kế toán
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		-
Mua trong năm		250.440.000
Số dư cuối năm		250.440.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		-
Khấu hao trong năm		27.896.794
Số dư cuối năm		27.896.794
Tại ngày đầu năm		-
Tại ngày cuối năm		222.543.206

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí vật tư, thiết bị và công cụ dụng cụ xuất đúng còn phân bổ.

5.10. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ vỏ bình gas	66.000.000	66.000.000
Ký quỹ tiền thuê nhà	675.021.600	675.021.600
Ký quỹ tiền thuê tài chính	1.398.146.254	-
Tổng cộng	2.139.167.854	741.021.600

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

5.11. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	62.706.922.646	19.500.000.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả - xem thêm mục 5.16	3.106.084.896	-
Tổng cộng	65.813.007.542	19.500.000.000

Các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn Ngân hàng Techcombank Chợ Lớn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số: 6868/HĐHMTD-DN/TCB-CLN ngày 30/03/2013 được thế chấp bằng hàng tồn kho của Công ty (Xem thêm mục 5.3). Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động và chịu lãi suất từ 12.80%/năm đến 13.45%/năm.

Vay ngắn hạn Ngân hàng First Bank – Chi nhánh Hồ Chí Minh là khoản vay theo hợp đồng số MACCR 101/11 ngày 26/11/2012 theo hình thức tín chấp. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động và chịu lãi suất 13.5%/năm.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	62.405.731.452	68.732.704.997
▪ Nhà cung cấp trong nước	38.595.342.006	52.807.813.235
▪ Nhà cung cấp nước ngoài	23.810.389.446	15.924.891.762
Người mua trả tiền trước	2.054.511.137	770.630.711
▪ Nhà cung cấp trong nước	161.051.941	494.277.517
▪ Nhà cung cấp nước ngoài	1.893.459.196	276.353.194
Tổng cộng	64.460.242.589	69.503.335.708

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải trả các bên liên quan là:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	6.080.942.944	34.288.747.491
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	3.754.753	2.403.595.732
Tổng cộng – xem thêm mục 8	6.084.697.697	36.692.343.223

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	262.004.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.121.811.277	1.231.303.431
Thuế thu nhập cá nhân	18.284.748	42.014.155
Tổng cộng	2.140.096.025	1.535.321.604

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước tiền lãi vay phải trả	161.142.667	-
Trích trước chi phí khác	47.386.364	-
Tổng cộng	208.529.031	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	276.914.800	112.455.600
Trích lập trong năm	1.400.000.000	1.500.000.000
Sử dụng trong năm	(1.627.093.349)	(1.335.540.800)
Số dư cuối năm	49.821.451	276.914.800

5.16. Vay và nợ dài hạn

Đây là khoản nợ thuê tài chính về máy móc thiết bị với thời hạn 04 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 là 8.096.064.003 đồng, nợ thuê tài chính đến hạn trả là 3.106.084.896 đồng – xem thêm mục 5.11. Khoản nợ này chịu lãi suất 15.5%/năm.

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Q.07, TP.HCM

7. Vốn chủ sở hữu

7.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	39.763.500.000	1.799.238.080	2.153.461.920	(2.153.461.920)	50.444.458	1.904.009.418	43.517.191.956
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	1.810.747.575	1.810.747.575
Mua cổ phiếu quỹ	-	(141.412.260)	141.412.260	(141.412.260)	-	-	(141.412.260)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	404.009.417	(1.904.009.417)	(1.500.000.000)
Số dư đầu năm nay	39.763.500.000	1.657.825.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	454.453.875	1.810.747.576	43.686.527.271
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	870.076.916	870.076.916
Trích lập quỹ	-	-	-	-	410.747.576	(1.810.747.576)	(1.400.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	(166.712.001)	-	(166.712.000)
Số dư cuối năm	39.763.500.000	1.657.825.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	698.489.450	870.076.916	42.989.892.186

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	30/09/2013	Tỉ lệ
Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu	12.200.000.000	30,68%
Ông Trần Tuấn Minh	1.800.000.000	4,53%
Ông Lương Tuấn Minh	550.000.000	1,38%
Ông Lê Anh Hải	-	0,00%
Ông Trần Ngọc Hải	400.000.000	1,01%
Ông La Thọ Văn	300.000.000	0,75%
Ông La Thời Tâm	289.000.000	0,73%
Cổ đông khác	24.224.500.000	60,92%
Tổng cộng	39.763.500.000	100%

5.17.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.976.350	3.976.350
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	3.976.350	3.976.350
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(142.300)	(142.300)
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.834.050	3.834.050
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	870.076.916	1.810.747.575
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.834.050	3.834.518
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	227	472

5.17.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	1.810.747.576	1.904.009.417
Lợi nhuận sau thuế trong năm	870.076.916	1.810.747.575
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(410.747.576)	(404.009.417)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.400.000.000)	(1.500.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	870.076.916	1.810.747.575

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	60.321.066.054	158.962.898.474
Doanh thu bán thành phẩm	364.791.988.452	123.964.389.182
Doanh thu thuần	425.113.054.506	282.927.287.656

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	56.088.311.048	154.876.770.566
Giá vốn của thành phẩm đã bán	339.757.698.075	107.814.767.560
Tổng cộng	395.846.009.123	262.691.538.126

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	132.576.744	134.835.953
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	291.210.472	366.950.464
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.753.531	56.536.026
Tổng cộng	432.540.747	558.322.443

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.038.471.203	1.876.312.686
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.108.212.797	686.109.369
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.666.100	-
Tổng cộng	6.180.350.100	2.562.422.055

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.443.835.819	3.793.522.885
Chi phí vật liệu bao bì	-	1.639.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.131.941	46.424.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.721.648.989	1.478.418.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.687.020.232	3.828.316.077
Chi phí dự phòng	361.848.539	318.487.616
Chi phí bằng tiền khác	2.375.246.547	2.221.191.187
Tổng cộng	14.594.732.067	11.687.999.738

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.783.339.454	1.936.737.030
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.052.907	154.444.374
Chi phí khấu hao tài sản cố định	942.942.449	955.007.939
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	6.020.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.386.773.240	1.187.821.943
Chi phí bằng tiền khác	1.172.252.954	1.022.076.097
Tổng cộng	7.298.361.004	5.262.107.383

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán phế liệu, chuyển nhượng mặt bằng	94.705.504	186.913.375
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	16.615.172.652	5.000.000.000
Thu nhập khác	118.718.176	69.608.956
Tổng cộng	16.828.596.332	5.256.522.331

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	16.089.827.945	3.509.565.354
Khác	3.032.336	640.225
Tổng cộng	16.092.860.281	3.510.205.579

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.361.879.010	3.027.859.548
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	3.605.329.366	1.862.649.146
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(56.536.026)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.967.208.376	4.833.972.668
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.491.802.094	1.208.493.167

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: chi phí vượt mức khống chế, chi phí không hợp lý hợp lệ.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	363.279.359.828	216.165.159.180
Chi phí nhân công	30.546.888.326	16.928.994.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.496.470.765	1.800.900.303
Chi phí dự phòng	361.848.539	318.487.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.221.692.631	11.630.606.357
Chi phí khác bằng tiền	12.317.457.986	5.388.278.493
Tổng cộng	424.223.718.075	252.232.426.765

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bởi vì lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên là sản xuất và mua bán thép. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này.

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

	<u>Trong nước</u>		<u>Ngoài nước</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	ĐVT: triệu đồng					
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	364.182	230.872	60.931	52.055	425.113	282.927
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	364.182	230.872	60.931	52.055	425.113	282.927
Tài sản của bộ phận	171.855	127.713	8.825	6.895	180.680	134.607
Chi phí mua sắm tài sản	21.985	26.420	-	-	21.985	26.420

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Công ty cùng tập đoàn

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	2.089.160.331	22.640.000
Phải trả - Xem thêm mục 5.12	6.084.697.697	36.692.343.223

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng	17.165.412.925	26.621.815.260
Mua hàng	23.483.098.456	98.012.919.375
Phí gia công cắt thép	998.008.733	292.229.148
Tiền thuê kho, thuê mặt bằng	9.207.695.450	3.484.526.900
Cước vận chuyển	-	919.453.264

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	252.000.000	252.000.000
Lương Tổng Giám đốc	560.000.000	451.100.000
Lương các nhân viên chủ chốt khác	570.240.000	370.860.000
Tổng cộng	1.382.240.000	1.073.960.000

9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 07 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 04 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Trên 1 năm đến 5 năm	8.096.064.003	-
Tổng cộng	8.096.064.003	-

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn	3.106.084.896	-
Dài hạn	4.989.979.107	-
Tổng cộng	8.096.064.003	-

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 5 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.360.816.200	1.036.175.976

Tại ngày 30/09/2013, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	340.783.200	676.593.000
Tổng cộng	340.783.200	676.593.000

11. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2013	01/10/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.493.607.401	3.630.791.787
Phải thu khách hàng	50.462.791.966	41.177.994.956
Ký quỹ	8.289.726.749	1.635.924.529
Tổng cộng	66.246.126.116	46.444.711.272
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	70.802.986.649	19.500.000.000
Chi phí phải trả	208.529.031	-
Phải trả người bán	62.405.731.452	68.732.704.997
Tổng cộng	133.417.247.132	88.232.704.997

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/09/2013	01/10/2012	30/09/2013	01/10/2012
Đô la Mỹ (USD)	1.131.887,69	1.143.191,35	762.423,15	255.374,17
EURO	-	-	100,00	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

▪ **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/09/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	62.405.731.452	-	62.405.731.452
Chi phí phải trả	208.529.031	-	208.529.031
Các khoản vay	62.706.922.646	-	62.706.922.646
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	3.106.084.896	4.989.979.107	8.096.064.003

01/10/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	68.732.704.997	-	68.732.704.997
Các khoản vay	19.500.000.000	-	19.500.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/09/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	50.462.791.966	-	50.462.791.966
Các khoản ký quỹ	6.145.558.895	2.139.167.854	8.289.726.749

01/10/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	41.177.994.956	-	41.177.994.956
Các khoản ký quỹ	894.902.929	741.021.600	1.635.924.529

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.07, TP.HCM

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

13. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2013 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 10 năm 2013.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



LƯU NGỌC HÂN

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TRẦN TUẤN MINH